

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

“V/v tranh chấp thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trang;
2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST- DS ngày 01/6/2020 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-DS ngày 07/3/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 27/TB-MLPT ngày 05/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-DS ngày 19/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị P, sinh năm 1948, nơi cư trú: Số 118, khóm CP 2, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị P: Ông Lê Chí H, sinh năm 1973, nơi cư trú: khóm 7, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lôi Văn Đức - Luật sư Văn phòng Luật sư H Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

Địa chỉ: Số 368x, khóm 6, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn M, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ 8, khóm CP, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn M: Bà Lê Thị Q, sinh

năm 1970, nơi cư trú: số 161x, khóm CP, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020); vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị TH, sinh năm 1953, nơi cư trú: tổ 8, khóm CP, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

3.2. Đồng thừa kế của ông Dương Văn GA (sinh năm 1952 – chết năm 2018):

3.2.1. Bà Lâm Ngọc UD (Lâm Thị UD), sinh năm 1959, vắng mặt;

3.2.2. Ông Dương Văn EN, sinh năm 1990, vắng mặt;

3.2.3. Bà Dương Thị Thanh FA, sinh năm 1992, có mặt;

Cùng nơi cư trú: Ấp Châu Giang, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1970, nơi cư trú: Số 161x, khóm CP, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố K, địa chỉ: Số 10x, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị P có ông Lê Chí H đại diện trình bày:

Cha, mẹ bà P là ông Dương Văn Lừa, (sinh năm 1924, chết năm 1996) và bà Trần Thị Thơ, (sinh năm 1926, chết năm 2000) sinh được 04 con chung gồm: Dương Thị P, Dương Thị TH, Dương Văn GA và Dương Văn M, không có con riêng. Lúc sinh tiền, cha mẹ có tạo lập sổ tài sản, khi qua đời không để lại di chúc, tài sản gồm:

- 05 công đất ruộng tại phường B. Năm 1996 cha chết, mẹ và các anh chị em thống nhất bán đất ruộng này trả nợ thuốc thang, chi phí mồ mã, một phần cho M nuôi mẹ, phần còn lại chia đều cho các anh em.

- Căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc khóm CP, phường B có diện tích 208 m² (năm 2005 được cấp giấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33, diện tích 208,0m² do UBND thị xã K cấp ngày 30/8/2005) do M quản lý để thờ cúng ông Lừa.

Năm 2000 bà Thơ chết không để lại di chúc. Ông M và vợ là Lê Thị Q tự kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản của cha, mẹ chết để lại. Việc cấp giấy của ông M, bà Q các chị em không ai biết. Đến khi nhà, đất được nằm trong diện quy hoạch, giải tỏa làm đường Phan Đình Phùng thì mới biết ông M, bà Q có giấy đồ.

Ông M nhận tiền bồi thường khoảng 1.500.000.000 đồng và được cấp 02 nền nhà tái định cư, trị giá 4.650.000.000 đồng gồm: 01 nền gần Bệnh viện cũ, phường B trị giá 2.950.000.000 đồng và 01 nền tại khu chợ đêm, phường B trị

giá 1.700.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 6.150.000.000 đồng.

Sau khi ông M nhận tiền bồi thường thì có chia cho bà TH 200.000.000 đồng mà không cho bà P. Khi bà P phát hiện bà yêu cầu chia thì M hứa khi nào bán nền nhà gần bệnh viện cũ sẽ chia cho bà. Sau khi M đã bán nền nhà gần bệnh viện cũ với giá 2.950.000.000 đồng thì M không chia cho bà.

Bà P yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông M, bà Q để chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo pháp luật, buộc ông M phải chia cho bà số tiền 1.537.500.000 đồng.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã công khai tài liệu chứng cứ và có thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ trong đó có Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 bồi thường về đất số tiền 1.179.400.000 đồng + nhà số tiền 151.189.000 đồng tổng cộng số tiền 1.330.589.000 đồng.

Nay bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo pháp luật số tiền 1.330.589.000 đồng, chia 5 phần, mỗi phần (làm tròn) số tiền 266.117.000 đồng. Riêng ông M có công bảo quản nhà, đất nên được nhận 02 kỷ phần. Ông M đã nhận tiền bồi thường nên buộc ông M phải chia cho bà số tiền 266.117.000 đồng. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 1.271.383.000 đồng (1.537.500 đồng – 266.117.000 đồng); rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M, bà Q đứng tên.

Bị đơn ông Dương Văn M khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Thông nhất hàng thừa kế, sau khi cha chết thì mẹ và 04 anh chị em thống nhất để căn nhà và đất lại cho vợ chồng ông (Dương Văn M và Lê Thị Q) đứng ra nuôi mẹ và thờ cúng cha. Sau khi mẹ chết thì được thừa hưởng căn nhà và đất này. 04 anh chị em có lập lập tờ thỏa thuận cùng ký tên năm 1996; Khi đó có ông Vũ Văn Lai và ông Thái Trọng Ải ở sát vách nhà biết sự việc và đồng ý làm chứng, ký tên. Năm 2000 thì mẹ chết, 04 anh chị em không ai nói gì về nhà, đất này. Đến năm 2003 đoàn đo đạc đến đo đạc cấp giấy đại trà thì ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên riêng của vợ chồng vào năm 2005 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE do Ủy ban nhân dân thị xã K cấp ngày 30/8/2005 cho ông Dương Văn M và Lê Thị Q), khi đó thì không ai tranh chấp gì.

Đến năm 2017 thì nhà và đất được Nhà nước giải tỏa, bồi thường, khi đó thì gia đình bà Dương Thị P cũng được bồi thường nhưng không ai nói gì. Đến năm 2019 thì Ủy ban bán cho gia đình 02 cái nền tái định cư; 01 nền đã bán hiện nay còn lại 01 nền.

Nay ông M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P về chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q: Bà Q là vợ ông M và là người đại diện theo ủy quyền của ông M có văn bản tường trình có mặt giấy phân chia tài sản ngày 17/6/2020 với nội dung:

Bà về làm dâu năm 1988 đến năm 1996 cha chồng chết để lại 05 công đất và 01 cái nhà gắn liền với đất. Mẹ (bà Thơ) và 04 anh chị em hợp lại bán 05 công đất ruộng được 05 cây vàng; lo mai tang 01 cây vàng còn lại 04 cây vàng chia má 02 cây, bốn anh chị em mỗi người 05 chỉ vàng. Má lấy 02 cây vàng của má mua xe Honda cho ông M chạy xe ôm nuôi má (bà Thơ). Phần cái nhà gắn liền với đất thống nhất để lại cho M, Q làm phở thờ nuôi má mãi phần thì được hưởng nhà đất này. Má và 04 anh chị em cùng ký tên, sát vách nhà có 02 nhân chứng gồm ông Thái Trọng Ải và ông Vũ Văn Lai chứng kiến ký tên.

Năm 2000 má chết, 2003 đoàn đo đạc Vũng Tàu đo đạc đại trà năm 2005 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Dương Văn M và Lê Thị Q. Năm 2017 Nhà nước giải tỏa, bồi thường, khi dọn nhà thì phát hiện mất giấy chia phân chia tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị TH trình bày trong quá trình giải quyết vụ án (theo tường trình ngày 17/6/2020): Bà làm chứng cho 04 chị em như sau: khi cha mẹ còn sống có 05 công đất và một căn nhà gắn liền với đất. Đến năm 1996 cha bà chết, mẹ bà và 04 chị em hợp lại bán 05 công đất chia đều cho 04 chị em còn nhà và đất nền chị em đồng ý để lại cho vợ chồng em út (Dương Văn M – Lê Thị Q) đến khi mẹ chết thì được thừa hưởng căn nhà gắn liền với đất, lúc đó có 02 nhân chứng sát vách nhà là Vũ Văn Lai và Thái Trọng Ải chứng kiến ký tên; 04 chị em cũng đồng ý ký tên không khiếu nại về sau. Đến năm 2000 mẹ chết thì chị em đồng ý để lại nhà và đất cho Dương Văn M và Lê Thị Q được quyền hưởng. Đến năm 2003 Nhà nước đo đạc tập thể cho M, Q. Nay bà P khởi kiện để chia di sản thừa kế thì bà không đồng ý vì nhà đất này là của vợ chồng Út M.

Ngày 04/11/2020 bà TH có đơn yêu cầu độc lập trình bày phần nhà, đất ông M quản lý nằm trong khu quy hoạch được giải tỏa ông M nhận tiền bồi tổng cộng 6.150.000.000 đồng, bà hưởng 1.537.500.000 đồng. Bà yêu cầu ông M chia thêm cho đủ phần số tiền 1.337.500.000 đồng. Ngày 04/01/2021 bà TH có đơn rút yêu cầu độc lập với lý do khởi kiện sẽ làm mất tình cảm gia đình giữa bà và ông M. Giữ nguyên ý kiến ban đầu.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2022 bà TH cho rằng nhà, đất của cha mẹ chết để lại; ông M đã nhận tiền bồi thường thì chia đều cho các anh em. Bà nhận 01 kỷ phần giống bà P số tiền 266.117.000 đồng; thống nhất cho ông M nhận 02 kỷ phần. Bà đã nhận của ông M số tiền 200.000.000 đồng nên bà yêu cầu đưa cho bà thêm số tiền 66.117.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đồng thừa kế của ông Dương Văn GA gồm: Bà Lâm Ngọc Điều, Dương Văn EN, Dương Thị Thanh FA trình bày (bản tự khai ngày 22/6/2020 và ý kiến tại phiên hòa giải ngày 13/8/2020):

Bà UD, ông EN, bà FA là vợ, con của ông Dương Văn GA (sinh năm 1952 – chết năm 2018). Thống nhất về hàng thừa kế của ông Lự, bà Thơ. Lúc còn sống ông Lự, bà Thơ tạo lập được 05 công đất ruộng tại phường CP, thành phố K và căn nhà cấp IV gắn liền với đất. Sau khi ông Lự qua đời, bà Thơ cùng

các con đã bán phần chia đất ruộng đã xong. Riêng căn nhà gắn liền với đất ở đô thị do Dương Văn M cư ngụ cùng bà Thơ (mẹ chồng).

Năm 2000 bà Thơ chết không để lại di chúc, các anh chị em có ý định để làm phủ thờ là tài sản chung của các thừa kế. Năm 2005 Dương Văn M tự ý kê khai xin đăng ký cấp quyền sử dụng đất và đưa Lê Thị Q (vợ) đứng tên giấy chứng nhận làm tài sản riêng không ai biết. Năm 2017 phần đất có căn nhà này bị quy hoạch, giải tỏa di dời, Nhà nước bồi thường số tiền 1.500.000.000 đồng do M nhận. Ông M cho EN số tiền 10.000.000 đồng không nói lý do.

Năm 2019 M đã được Nhà nước bán cho 02 nền nhà tái định cư gồm 01 nền gần bệnh viện cũ và 01 nền tại khu vực chợ đêm phường CP. M bán nền nhà gần bệnh viện được 2.950.000.000 đồng, hiện còn sở hữu 01 nền tại chợ đêm phường B. Khi bà P khởi kiện thì ông M đã mua chuộc bà TH, cho bà 200.000.000 đồng và mua chuộc 02 nhân chứng là Vũ Văn Lai, Thái Trọng Ái ký vào ngày 15/02/2020 vào bản tường trình của bà Dương Thị TH với nội dung *“nhà và nền đất 04 chị em tôi đồng ý để lại cho vợ chồng em út là Dương Văn M và Lê Thị Q thừa hưởng...nhà và đất 04 chị em tôi đồng ý không khiếu nại”* nhưng không có Dương Văn GA hay vợ, con ký và Dương Thị P ký tên. Nay bà không có yêu cầu độc lập gì nhưng xem xét nếu chia cho bà P bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu.

Ngày 08/12/2020 Đồng thừa kế của ông Dương Văn GA có yêu cầu độc lập buộc ông M phải chia số tiền 1.537.500.000 đồng.

Tòa án lấy lời khai bà Lâm Ngọc UD ngày 24/5/2022, có con là Dương Văn EN đọc lại cho bà UD nghe, nội dung bà UD khai: Bà và ông GA chung sống như vợ chồng vào năm 1989, đến năm 1990 thì sinh đứa con thứ nhất tên Dương Văn EN (sinh ngày 26/3/1990), sau khi sinh con thì bà đi làm giấy khai sinh cho con (EN). Năm 1992 thì sinh đứa con thứ hai tên Dương Thị Thanh FA (sinh ngày 26/3/1992), sau khi sinh con thì bà cũng đi làm giấy khai sinh cho các con. Bà và ông GA sinh được 02 con chung ngoài ra ông GA không có vợ hoặc con riêng nào. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2011 thì ông GA nhận về chửi mắng vợ con rồi đi về nhà cha mẹ ruột (ông Lừa, bà Thơ) ở chung với chú út (Dương Văn M) cho đến khi chết. Ông GA chết năm 2018 tại nhà ông Lừa, bà Thơ. Bà vẫn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lừa, bà Thơ có tổng giá trị 6.150.000.000 chia 04 phần gồm bà P, bà TH, ông GA và ông M. Theo đó phần ông GA được hưởng là 01 phần, số tiền 1.537.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị Thanh FA cho biết bà UD bị bệnh, ông EN đi làm ăn, tất cả biết Tòa án mở phiên tòa. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử cho gia đình bà được nhận 01 phần giống bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố K trình bày:

Nội dung liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Dương Văn M đã được phúc đáp cho

Toà án theo nội dung công văn số 3428/UBND – NC ngày 30/9/2020 và công văn số 3349/UBND – NC ngày 10/8/2022. Ủy ban nhân dân thành phố K xin vắng mặt tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

- Công văn số 3428/UBND-NC ngày 30/9/2020 của UBND thành phố K cho biết:

(1) Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33, diện tích 208,0m² cho ông M, bà Q là đúng trình tự, thủ tục quy định.

(2) Việc bồi thường đối với hộ ông Dương Văn M khi thực hiện dự án đường Phan Đình Phùng nổi dài:

Theo quyết định 1539/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thành phố K về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Dương Văn M: Về đất: 1.179.400.000 đồng; Về chính sách tái định cư: Ông M được mua 01 nền nhà tái định cư có thu tiền theo chính sách tái định cư.

Theo Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND thành phố K về việc phê duyệt phương án điều chỉnh chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (lần 4) đối với hộ ông Dương Văn M: Bổ sung chính sách giao nền (01 nền) có thu tiền sử dụng đất tại Khu dân cư Trung Vương, phường CP.

- Công văn số 3349/UBND-NC ngày 10/8/2022 của UBND thành phố K về việc thu tiền 02 nền tái định cư của ông Dương Văn M:

(1) Quyết định 1472/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND thành phố K về việc giao đất cho ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q. Nội dung giao đất ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q khu đất thuộc tờ bản đồ số 20, thửa 456, diện tích 94,5m² đất tại phường CP để sử dụng vào mục đích đất ở đô thị. Giá đất, tiền sử dụng đất phải nộp: 567.000.000 đồng;

(2) Quyết định 3545/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND thành phố K về việc giao đất cho ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q khu đất thuộc tờ bản đồ số 09, thửa đất số 166, diện tích 64m² đất tại phường Châu Phú B đất để sử dụng vào mục đích đất ở đô thị. Giá đất, tiền sử dụng đất phải nộp: 230.400.000 đồng.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng; đối chất; thu thập chứng cứ tại các cơ quan chuyên môn, cụ thể:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cung cấp Quyết định thu hồi đất số 739/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND thành phố K và nhiều quyết định có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông Dương Văn M.

- Trích lục toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33, do UBND thị xã K cấp ngày 30/8/2005 cho ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh K.

- Lấy lời khai người làm chứng ông Vũ Văn Lai, ông Thái Trọng Ai.
- Đối chất giữa đương sự và người làm chứng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành do bị đơn vắng mặt. Riêng tại phiên tòa giải ngày 13/8/2020 ông M, bà TH, bà Q có mặt và thể hiện ý kiến của mình vào biên bản nhưng không ký tên.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không cung cấp bổ sung, không đề nghị Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ khác.

+ Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của ông Lự, bà Thơ số tiền 1.330.589.000 đồng, chia 5 phần, mỗi phần (làm tròn) số tiền 266.117.000 đồng. Riêng ông M có công bảo quản nhà, đất nên được nhận 02 kỷ phần.

+ Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 1.271.383.000 đồng (1.537.500 đồng – 266.117.000 đồng);

+ Rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M, bà Q đứng tên.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TH thống nhất chia di sản của cha mẹ làm 5 phần; cho ông M được hưởng 02 phần. Bà được nhận 01 kỷ phần số tiền 266.117.000 đồng; bà đã nhận 200.000.000 đồng nên yêu cầu ông M hoàn trả cho bà số tiền còn lại 66.117.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà FA, thống nhất với ý kiến nguyên đơn theo đó bà UD, ông EN và bà được nhận 01 kỷ phần số tiền 266.117.000 đồng.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự bà P, ông M, bà Q, bà TH và người làm chứng ông Lai, ông Ai có lời khai không giống nhau. Riêng bà TH khai có lúc cho rằng nhà, đất của cha, mẹ chưa chia, có lúc khai đã chia cho riêng ông M. Nên lời khai của các đương sự là không có căn cứ chấp nhận.

+ Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh K và hồ sơ do UBND thành phố K cung cấp thì không thể hiện Văn bản thỏa thuận của bà Thơ cùng các con. Do đó việc UBND thị xã K cấp giấy cho ông M, bà Q ngày 30/8/2005 là không đúng đối tượng. Tuy nhiên đất đã được thu hồi không còn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã được Ủy ban thu hồi để thực hiện dự án đường Phan Đình Phùng nối dài nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông M, bà Q.

+ Di sản được xác định là số tiền bồi thường về đất và nhà theo Quyết định 1539/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thành phố K số tiền 1.330.589.000 đồng, chia 05 kỷ phần, trong đó ông M là người quản lý di sản nên ông M được nhận 02 phần. Riêng bà P, bà TH và Đồng thừa kế của ông GA mỗi người 01 kỷ phần số tiền 266.117.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 623, 649, 650, 651 Bộ dân sự 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị P. Buộc ông M có trách nhiệm trả lại bà P số tiền 266.117.000 đồng.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203, 208 BLTTDS năm 2015 (gọi tắt BLTTDS).

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

+ Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được công bố, hỏi và tranh luận tại phiên tòa thấy rằng:

Sinh thời, ông Dương Văn Lừa (1924 - 1996) và bà Trần Thị Thơ (1926 - 2000), sinh được 04 người con gồm: Dương Thị P, Dương Thị TH, Dương Văn GA và Dương Văn M; năm 2018, ông GA chết, thừa kế thế vị của ông GA là các con gồm Dương Văn EN, Dương Thị Thanh FA; đối với bà Lâm Thị UD sinh sống với ông GA từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, do đó bà UD không thuộc hàng thừa kế thế vị của ông GA; ông Lừa, bà Thơ có tạo lập tài sản, gồm: 05 công đất ruộng tại phường CP, thành phố K và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc tại khóm CP, phường CP, thành phố K, do M quản lý.

Các đương sự thống nhất phần đất ruộng đã chia, không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét. Riêng, đối với phần nhà – đất các đương sự chưa thống nhất. Bà M, TH, FA, ông EN cho rằng giá trị nhà – đất là tài sản của ông Lừa – bà Thơ để lại chưa được chia, nên yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ông M - bà Q không thừa nhận nhà – đất là di sản của ông Lừa – bà Thơ mà cho rằng được mẹ (bà Thơ) và các anh, chị (Bà P, TH, ông GA) lập “Tờ thỏa thuận” thống nhất cho ông bà thừa hưởng nhà - đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M - bà Q: Không

thể hiện có văn bản thỏa thuận của bà Thơ và các con bà về việc thống nhất cho ông M - bà Q đứng tên QSDĐ; đồng thời, tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 29/3/2004, ông M khai về nguồn gốc sử dụng đất là “*Cha Dương Văn Lụa cho năm 1982*”, thời điểm này ông Lụa – bà Thơ còn sống, tuy nhiên hồ sơ không thể hiện có văn bản tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, việc UBND thị xã (nay thành phố) K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE ngày 30/8/2005 cho vợ chồng ông M – bà Q là chưa bảo đảm đúng quy trình và đối tượng. Nên có căn cứ xác định nhà – đất này là di sản của ông Lụa – bà Thơ, chưa được chia. Hiện trạng nhà – đất đã bị thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông M theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 và Quyết định 1539/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND thành phố K; theo đó, giá trị nhà - đất bồi thường tổng số tiền 1.330.589.632 đồng (trong đó, trị giá đất 1.179.400.000 đồng, nhà trị giá 151.189.632 đồng). Hiện, các đương sự chỉ tranh chấp đối với số tiền bồi thường nhà – đất, nên không đề cập xem xét lại quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, xác định số tiền bồi thường nhà – đất 1.330.589.632 đồng là di sản của ông Lụa, bà Thơ, nên việc bà P và các đồng thừa kế của ông Lụa, bà Thơ yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật; buộc ông M hoàn lại số tiền nhận bồi thường đang giữ cho các đồng thừa kế khác theo kỷ phần thừa kế được hưởng là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, quá trình quản lý, sử dụng tài sản trên, vợ chồng ông M có công sức giữ gìn, tu bổ làm tăng giá trị, nên khi chia thừa kế, cần xem xét đến công sức đóng góp, giữ gìn di sản của vợ chồng ông M.

Đối với việc bà TH thừa nhận đã nhận 200.000.000 đồng từ ông M và đồng ý khấu trừ vào số tiền kỷ phần bà được nhận; chỉ yêu cầu ông M hoàn trả cho bà số tiền chênh lệch còn lại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, cần ghi nhận.

Đối với việc bà P khởi kiện yêu cầu ông M chia cho bà số tiền 1.537.500.000 đồng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M – bà Q; quá trình giải quyết vụ án, bà rút lại một phần yêu cầu; xác định chỉ yêu cầu ông M chia cho bà số tiền 266.117.000 đồng; nên cần đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đối với số tiền 1.271.383.000 đồng đương sự đã rút.

Căn cứ theo các Điều 579, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 BLTTDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế; đình chỉ phần đương sự rút yêu cầu như đã nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng,

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lụa, cụ Thơ là số tiền 1.330.589.000 đồng có nguồn gốc từ quyền sử dụng đất (*số H1389bE, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33, diện tích 208,0m² do UBND thị xã K cấp ngày 30/8/2005 cho ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q*) được UBND thành phố K thu hồi để làm đường Phan Đình Phùng nối dài.

Đồng thời nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE đã cấp cho ông M, bà Q để chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng đã rút lại yêu cầu này vì đất và Giấy chứng nhận đã được thu hồi, không còn tồn tại.

Xét, hiện nay phần đất có diện tích 208,0m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1389bE, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33, do UBND thị xã K cấp ngày 30/8/2005 cho ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q đã được thu hồi theo Quyết định 739/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND thành phố K nên không cần phải chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết để xem xét việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp thừa kế tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về thời hiệu khởi kiện vụ án:

Cụ Lụa chết năm 1996, cụ Thơ chết năm 2000. Căn cứ Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đối với số tiền 1.271.383.000 đồng là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận.

[5] Về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Dương Văn M của UBND thành phố K từ khi ban hành đến khi thực hiện xong dự án đường Phan Đình Phùng nối dài (Nguyễn Trường Tộ - Nguyễn Tri Phương) thì đương sự không có khiếu nại gì nên các Quyết định của UBND thành phố K thực hiện là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung,

[6] Khoản 1 Điều 91 BLTTDS quy định: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đồng thời khoản 4 Điều 91 BLTTDS quy định: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xem xét xác định di sản của cụ Lụa, cụ Thơ:

Nguyên đơn bà P cho rằng số tiền ông M đang giữ được nhà nước bồi thường có nguồn gốc từ nhà, đất của cha mẹ để lại; không có di chúc hợp pháp.

Bị đơn ông M cho rằng nhà, đất của cha mẹ cho riêng vợ chồng ông M đã được bà Thơ cùng 04 anh em trong nhà (P, TH, GA, M) ký tên vào văn bản thỏa thuận có ông Lai và ông Ải làm chứng. Ông M cho rằng văn bản này đã thất lạc khi di dời nhà năm 2017.

Bị đơn có cung cấp cho Tòa án hồ sơ trích lục cấp giấy chứng nhận QSDĐ; Tòa án trích lục toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H1389bE, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33, diện tích 208,0m² do UBND thị xã K cấp ngày 30/8/2005 cho ông Dương Văn M và bà Lê Thị Q không có Văn bản thỏa thuận như ông M trình bày. Do ông M không cung cấp được Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nên không có căn cứ xác định nhà, đất nêu trên là của ông M, bà Q.

Vì vậy xác định số tiền ông M được bồi thường khi UBND thành phố K thu hồi nhà, đất là di sản thừa kế của cụ Lụa, cụ Thơ.

[8] Xem xét người thừa kế của cụ Lụa, cụ Thơ:

Các đương sự xác định cụ Lụa, cụ Thơ sinh được 04 người con gồm: Bà Dương Thị P, bà Dương Thị TH, ông Dương Văn GA và ông Dương Văn M.

Bà UD và ông GA sống chung như vợ chồng từ năm 1989 đến khi ông GA chết năm 2018 không có đăng ký kết hôn. Bà UD không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn với ông GA; thời điểm bà UD và ông GA chung sống với nhau năm 1989 không được xem là hôn nhân thực tế nên xác định các thừa kế của ông Dương Văn GA là Dương Văn EN và Dương Thị Thanh FA.

Do đó người thừa kế của cụ Lụa, cụ Thơ được xác định là (1) bà Dương Thị P, (2) bà Dương Thị TH, (3) ông Dương Văn M và (4) các thừa kế của ông Dương Văn GA là Dương Văn EN và Dương Thị Thanh FA.

[9] Xác định kỷ phần thừa kế:

Căn cứ Quyết định 1539/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 và Quyết định 2880/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND thành phố K thì số tiền bồi thường và chính sách hỗ trợ, tái định cư gồm:

- Số tiền **1.387.051.312 đồng** gồm: (1) Bồi thường chi phí về đất 1.179.400.000 đồng; (2) bồi thường chi phí về nhà, vật kiến trúc 1.87.051.312 đồng (*trong đó nhà chính cấp IV-D, diện tích 72,16m², số tiền 151.189.632 đồng và vật kiến trúc làm tròn số tiền 35.861.000 đồng*); (3) Bồi thường chi phí di chuyển 5.000.000 đồng; (4) Bồi thường chi phí thuê nhà 9.600.000 đồng; (5) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 6.000.000 đồng.

- **02 nền tái định cư** được giao nền có thu tiền sử dụng đất gồm thửa 456, diện tích 94,5m² đất tại phường CP; giá đất, tiền sử dụng đất phải nộp: 567.000.000 đồng và thửa đất số 166, diện tích 64m² đất tại phường Châu Phú B; giá đất, tiền sử dụng đất phải nộp: 230.400.000 đồng.

Xem xét số tiền 1.179.400.000 đồng và số tiền 151.189.632 đồng (làm tròn 151.189.000 đồng) là số tiền bồi thường về đất và nhà khi nhà nước thu hồi. Các chi phí bồi thường khác và 02 nền tái định cư tại thửa số 456, diện tích 94,5m² và thửa số 166, diện tích 64m² được tái định cư cho những người sinh sống trên đất khi Nhà nước thu hồi. Tại thời điểm thu hồi thì trên đất có 04 nhân khẩu.

Do đó Hội đồng xét xử xác định di sản để chia kỷ phần là số tiền 1.179.400.000 đồng + 151.189.000 đồng = 1.330.589.000 đồng.

Xem xét ông M, bà Q có công sức đóng góp, tu bổ sửa chữa di sản trong khối tài sản của ông Lừa, bà Thơ nên ông M, bà Q được hưởng 01 kỷ phần trong khối di sản này.

Do đó bà P, bà TH, ông M và các thừa kế của ông GA được hưởng mỗi kỷ phần là số tiền (làm tròn): 266.117.000 đồng (1.330.589.000 đồng/5). Riêng ông M, bà Q được nhận 01 kỷ phần số tiền 266.117.000 đồng.

[10] Xem xét nghĩa vụ hoàn trả:

Ông Dương Văn M nhận tiền bồi thường đối với phần nhà, đất đã được thu hồi nên phát sinh nghĩa vụ hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông M hoàn trả cho bà P số tiền 266.117.000 đồng và các thừa kế của ông Dương Văn GA số tiền 266.117.000 đồng.

Bà TH đã nhận 200.000.000 đồng của ông M nên bà yêu cầu nhận số tiền 66.117.000 đồng. Xét yêu cầu này của bà TH là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên buộc ông M chỉ hoàn trả cho bà TH số tiền 66.117.000 đồng.

[11] Xem xét ý kiến của Luật sư - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên:

- Về ý kiến của Luật sư - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Di sản của cụ Lừa, cụ Thơ là số tiền 1.330.589.000 đồng (1.179.400.000 đồng + 151.189.000 đồng) chia 05 kỷ phần; theo đó bà P, bà TH, các thừa kế của ông GA mỗi người nhận 01 kỷ phần. Ông M có công sức tu bổ,

sửa chữa vào di sản nên cho ông M được hưởng 02 kỷ phần là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Luật sư.

- Về phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà P được nhận số tiền 266.117.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng. Bà P sinh năm 1948, có đơn xin miễn án phí nên bà P được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà TH được nhận số tiền 266.117.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng. Bà TH sinh năm 1953, có đơn xin miễn án phí nên bà TH được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các thừa kế của ông Dương Văn GA được nhận số tiền 266.117.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng.

- Ông Dương Văn M được nhận số tiền 266.117.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng.

- Ông Dương Văn M, bà Lê Thị Q được nhận số tiền 266.117.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng.

[13] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 579, 623, 649, 650, 651 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Các Điều 244, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia số tiền 1.271.383.000 đồng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn Lừa và cụ Trần Thị Thơ theo pháp luật:

- Xác định di sản của cụ Lừa, cụ Thơ là số tiền 1.330.589.000 (một tỷ, ba trăm ba mươi triệu, năm trăm, tám mươi chín nghìn) đồng.

- Người thừa kế theo pháp luật của cụ Lụa và cụ Thợ gồm: (1) Bà Dương Thị P, (2) bà Dương Thị TH, (3) ông Dương Văn M và (4) các thừa kế của ông Dương Văn GA là Dương Văn EN và Dương Thị Thanh FA.

- Buộc ông Dương Văn M hoàn trả cho bà Dương Thị P số tiền 266.117.000 đồng.

- Buộc ông Dương Văn M hoàn trả cho bà Dương Thị TH số tiền 66.117.000 đồng.

- Buộc ông Dương Văn M hoàn trả cho các thừa kế của ông Dương Văn GA là Dương Văn EN và Dương Thị Thanh FA số tiền 266.117.000 đồng.

- Ông Dương Văn M được nhận 01 kỷ phần, số tiền 266.117.000 đồng;

- Ông Dương Văn M, bà Lê Thị Q được nhận 01 kỷ phần, số tiền 266.117.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Dương Thị P, bà Dương Thị TH được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Các thừa kế của ông Dương Văn GA là Dương Văn EN và Dương Thị Thanh FA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng.

- Ông Dương Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng.

- Ông Dương Văn M, bà Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.305.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương